

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 95/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30/11/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh, ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Nga, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà [Dương Thị Thanh H](#), Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 118/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05/10/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2023;

- Nguyên đơn: Anh [Hoàng Văn T](#), sinh năm 1993; Nơi ĐKKHKT: [Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#). Hiện đang lao động tại Đài Loan. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Chị [Nguyễn Thị N](#); sinh năm 1996; địa chỉ: [Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#). Có ý kiến xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh [Hoàng Văn T](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Anh [Hoàng Văn T](#) và chị [Nguyễn Thị N](#) đăng ký kết hôn với nhau ngày 09 tháng 01 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với nhau tại [thôn H, xã K](#). Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 9/2018 thì anh [T](#) đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Khoảng thời gian này, do khoảng cách địa lý và công việc bận rộn nên hai bên ít liên hệ, quan tâm lẫn nhau, vì thế, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Mặc dù hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Đến năm 2021, anh [T](#) quyết định sống ly thân và không còn liên lạc với chị [N](#) nữa. Hiện tại, anh [T](#) xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã hết sức trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

thể đạt được. Vì vậy, anh [T](#) đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị [Nguyễn Thi N](#).

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung: [Hoàng Thiên P](#), sinh ngày 15/8/2018. Nguyên vọng của anh [T](#) là đề nghị Tòa án giao con chung cho chị [Nguyễn Thi N](#) trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh [T](#) tự nguyện cấp dưỡng một tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn chị [Nguyễn Thi N](#) trình bày cơ bản thống nhất với anh [T](#) về thời gian kết hôn, chung sống giữa hai vợ chồng và khẳng định: Hiện tại, bản thân chị [N](#) cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhưng do gia đình chị [N](#) theo tôn giáo không cho phép ly hôn nên chị không đồng ý ly hôn. Về con chung: Chị [N](#) trình bày vợ chồng có 01 con chung [Hoàng Thiên P](#), sinh ngày 15/8/2018. Chị thống nhất với quan điểm của anh [T](#) về việc giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đồng ý mức tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ của anh [T](#). Về tài sản chung: Chị [N](#) thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa*:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 28, 37, 48, 49, 51, 196, 227, 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền trình tự thủ tục thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã cung cấp đầy đủ kịp thời chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và đã có đầy đủ lời khai tại hồ sơ.

- Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho anh [Hoàng Văn T](#) được ly hôn chị [Nguyễn Thi N](#).

+ Về con chung: Giao con chung [Hoàng Thiên P](#), sinh ngày 15/8/2018 cho chị [Nguyễn Thi N](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ của anh [T](#).

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con; chị [Nguyễn Thi N](#) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại [xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#). Tại thời điểm thụ lý vụ án, anh [Hoàng Văn T](#) đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan, có xác nhận của [Văn phòng K](#) tại [Đ](#) nên việc Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điều 469 Bộ luật tố tụng dân

sự. Quá trình giải quyết vụ án do điều kiện công việc nên anh T và chị N yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử. Anh Hoàng Văn T đã ủy quyền cho anh Nguyễn Việt D, địa chỉ: Số B, P, phường N, tp H, tỉnh Hà Tĩnh thay mặt anh T giao nhận văn bản, tài liệu của Tòa án. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị N theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ tình cảm:* Anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký đúng quy định của pháp luật, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh T và chị N đều khẳng định: Cuộc sống chung vợ chồng anh chị hòa thuận được khoảng một thời gian, đến năm 2018, sau khi anh T đi xuất khẩu lao động thì do khoảng cách địa lý, và điều kiện công việc bận rộn nên vợ chồng ít liên hệ với nhau, không còn quan tâm lẫn nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Từ năm 2021, vợ chồng anh T, chị N sống ly thân cho đến nay. Bản thân chị N cũng thấy tình cảm vợ chồng không còn, song đối với yêu cầu ly hôn của anh T, vì chị N theo Luật đạo công giáo không được phép ly hôn nên chị không đồng ý ly hôn. Xét cuộc hôn nhân giữa anh T và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận giải quyết cho anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị N được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Xét đề nghị của hai bên đương sự đều thể hiện ý chí thống nhất giao con chung Hoàng Thiên P, sinh ngày 15/8/2018 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, xét từ khi con sinh ra đến nay, con đã ở với chị N và được đảm bảo việc nuôi dưỡng, học hành đầy đủ. Để đảm bảo điều kiện sinh sống, học tập ổn định cho cháu, HĐXX nhận định cần thiết phải giao con chung cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy, sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng của anh Hoàng Văn T là không trái đạo đức, xã hội, không trái quy định pháp luật. Chị N cũng thống nhất với sự tự nguyện của anh T nên HĐXX cần chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung:* Xét ý chí cả hai đương sự đều thống nhất tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] *Về án phí:* Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 227, Điều 273, Điều 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; các Điều 58, 81, 82, 83,

116, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. *Về hôn nhân*: Anh [Hoàng Văn T](#) được ly hôn chỉ [Nguyễn Thị N](#).

2. *Về con chung*: Giao con chung [Hoàng Thiên P](#), sinh ngày 15/8/2018 cho chỉ [Nguyễn Thị N](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh [Hoàng Văn T](#) tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con đủ 18 tuổi và được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

3. *Về tài sản chung*: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. *Về án phí*: Anh [Hoàng Văn T](#) phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng tính trừ cho anh [T](#) vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000598, ngày 05/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Anh [T](#) còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định.

5. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc khi bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Kỳ Khang, huyện Kỳ Anh;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Lệ Thu